**PHỤ LỤC**

**CÁC MẪU THỰC HIỆN RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 214/KH-STNMT ngày 16/01/2023 của*

*Sở Tài nguyên và Môi trường)*

***Mẫu 01: Biểu mẫu thống kê TTHC nội bộ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tên TTHC | Nhập tên TTHC quy định tại văn bản. Trường hợp chưa được quy định cụ thể, thống nhất tại các văn bản thì nhập tên ngắn gọn, thể hiện rõ nội hàm của TTHC. |
|  | Đơn vị thống kê | Nhập tên đơn vị thuộc bộ, UBND tỉnh thực hiện thống kê TTHC. |
|  | Lĩnh vực | Nhập lĩnh vực TTHC có sẵn/ hoặc nếu chưa có sẵn thì nhập tên theo tiêu chí do bộ, UBND tỉnh tự xác định phù hợp. |
|  | Văn bản quy định | Nhập đầy đủ các văn bản quy định TTHC, bao gồm cả văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính. |
|  | Trình tự thực hiện | 🞎 Có quy định: Nhập các bước thực hiện TTHC kèm thời gian cụ thể từng bước.  🞎 Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định. |
|  | Cách thức thực hiện | Tích chọn nhiều phương án trong các phương án sau:  🞎 Trực tiếp  🞎 Trực tuyến  🞎 Qua dịch vụ bưu chính  🞎 Không quy định (trường hợp chọn phương án này thì chỉ chọn 1). |
|  | Thành phần, số lượng hồ sơ | 🞎 Có quy định: Nhập từng thành phần hồ sơ và yêu cầu của hồ sơ (bản chính, bản sao, bản sao công chứng…), kèm theo số lượng của từng hồ sơ.  🞎 Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định. |
|  | Thời hạn giải quyết | Nhập thời hạn tính từ thời điểm nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định tới khi nhận được kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại văn bản, ghi rõ đơn vị (ngày, ngày làm việc). |
|  | Đối tượng thực hiện | Nêu tên cơ quan/ đơn vị/ nhóm đối tượng đề nghị và nhận kết quả giải quyết TTHC. |
|  | Cơ quan giải quyết | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định:  🞎 Có quy định: Nhập tên cơ quan/chức danh người quyết định kết quả TTHC.  🞎Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định. |
| - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:  🞎 Có quy định: Nhập tên cơ quan/chức danh người chủ trì tham mưu cho cơ quan quyết định kết quả TTHC.  🞎Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định. |
| - Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC:  🞎 Có quy định: Nhập tên cơ quan/chức danh người phối hợp tham mưu cho cơ quan quyết định kết quả TTHC.  🞎Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định. |
|  | Kết quả thực hiện | 🞎 Có quy định: Nhập tên kết quả thực hiện của TTHC (Quyết định của ...., văn bản chấp thuận của..., ...).  🞎 Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định. |
|  | Phí, lệ phí | 🞎 Có quy định phí/lệ phí: Nhập số tiền (Đơn vị tính: VNĐ).  🞎 Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định. |
|  | Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai | 🞎 Có quy định: Nhập tên Mẫu đơn, tờ khai và đính kèm file mẫu đơn/tờ khai.  🞎 Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định. |
|  | Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC | 🞎 Có quy định: Nhập đầy đủ nội dung từng yêu cầu, điều kiện.  🞎 Không quy định: Tích chọn trong trường hợp không có quy định. |

***Mẫu 02: Mẫu Quyết định công bố TTHC nội bộ trong tỉnh***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  Số: /QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Hà Tĩnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở......... tại Văn bản số....../...... ngày......./....../2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chínhnội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

**Điều 3**. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 4;  - Văn phòng Chính phủ;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;  - Trung tâm CB-TH;  - Lưu: VT, NC. | **CHỦ TỊCH**  **Võ Trọng Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG TỈNH HÀ TĨNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ........./QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ...*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện** |
| 1 | Thủ tục a |  |  |
| 2 | Thủ tục b |  |  |
| n | ………………… |  |  |

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Lĩnh vực…**

**1. Tên thủ tục a**

- Trình tự thực hiện: *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính)*

- Cách thức thực hiện:

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thời hạn giải quyết:

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Phí, lệ phí (nếu có):

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a)*:

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

**n. Tên thủ tục n**

**…..**

***Mẫu 03: Biểu mẫu rà soát TTHC nội bộ***

|  |  |
| --- | --- |
| **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TTHC NỘI BỘ** | |
| 1. Tên TTHC | *- Các TTHC đã được công khai trên CSDLQG về TTHC sẽ được đồng bộ sang để thực hiện rà soát.*  *- Các TTHC chưa công khai, Hệ thống sẽ cho phép nhập mới.* |
| 2. Tên đơn vị rà soát |
| 3. Lĩnh vực |
| 4. Văn bản quy định |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÍNH CẦN THIẾT CỦA TTHC NỘI BỘ** | |
| 1. TTHC được đặt ra nhằm đạt được mục tiêu gì? | 🞎 Giải quyết công việc cụ thể cho cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị thuộc cơ quan hành chính nhà nước;  🞎 Bảo đảm việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước.  🞎 Khác: (Nêu rõ)  *(Có thể tích chọn nhiều phương án).* |
| 2. Mục tiêu này có được đáp ứng khi thực hiện TTHC không? | 🞎 Có  🞎 Không (Nêu rõ lý do)  *(Tích chọn 01 phương án).* |
| 3. Có biện pháp khác để thay thế thủ tục hành chính này mà vẫn đảm bảo mục tiêu đặt ra hay không? | 🞎 Có  Nếu chọn có thì tích chọn một trong các phương án:  🞎 Thay thế bằng chế độ báo cáo  🞎 Chuyển sang hậu kiểm  🞎 Khác: Nêu cụ thể  🞎 Không  *(Nếu chọn có thì bỏ qua mục III và điền mục IV đề xuất phương án thay thế TTHC bằng biện pháp phù hợp).* |
| **III. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC NỘI BỘ[[1]](#footnote-1)** | |
| **1.**  Trình tự thực hiện TTHC có được quy định đầy đủ, rõ ràng, phù hợp không? Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không? | 🞎 Không quy định  🞎 Có  🞎 Không  *Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:*  🞎 *Quy định chưa đầy đủ,*  🞎 *Quy định chưa rõ ràng,*  🞎 *Quy định chưa phù hợp,*  🞎 *Quy định chưa cụ thể các bước,*  🞎 *Quy định chưa cụ thể nội dung công việc, chưa quy định trách nhiệm thực hiện của từng bước.* |
| **2.** Cách thức thực hiện có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết TTHC không? | 🞎 Không quy định  🞎 Có  🞎 Không  *Nếu chọn Không, chọn ít nhất một phương án, gồm:*  🞎 *Quy định chưa đầy đủ,*  🞎  *Quy định chưa rõ ràng,*  🞎 *Quy định chưa phù hợp với đối tượng thực hiện,*  🞎 *Quy định chưa phù hợp với cơ quan giải quyết.* |
| **3.** Hồ sơ có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không? Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết TTHC; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không? Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không và nếu có thì quy định có rõ ràng, hợp lý không? | 🞎 Có  🞎 Không  *Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:*  🞎 *Quy định số lượng chưa phù hợp,*  🞎 *Chưa quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ,*  🞎 *Nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ chưa phục vụ cho xem xét, giải quyết TTHC,*  🞎 *Chưa loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan,*  🞎 *Chưa quy định về mẫu đơn, tờ khai,*  🞎 *Quy định về* *mẫu đơn, tờ khai chưa rõ ràng, chưa hợp lý.*  🞎 *Quy định chưa rõ ràng về số lượng,* |
| 4. Thời hạn giải quyết có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | 🞎 Không quy định  🞎 Có  🞎 Có  🞎 Không  *Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:*  🞎 *Chưa quy định rõ ràng,*  🞎 *Chưa quy định cụ thể,*  🞎 *Chưa quy định phù hợp.* |
| 5. Cơ quan thực hiện có được quy định hợp lý, rõ ràng và cụ thể không? | 🞎 Có  🞎 Không  *Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:*  🞎 *Chưa quy định hợp lý,*  🞎 *Chưa quy định rõ ràng,*  🞎 *Chưa quy định cụ thể.* |
| 6. Đối tượng thực hiện có thể thu hẹp hoặc cần mở rộng không? | 🞎 Có  *Nếu Có, chọn cụ thể 01 trong 02 phương án, gồm:*  🞎 Thu hẹp 🞎 Mở rộng  Nhập cụ thể phương án:…………..  🞎 Không |
| 7. Yêu cầu, điều kiện có cần thiết không? Có được quy định đầy đủ, rõ ràng, hợp pháp, hợp lý không? | 🞎 Không quy định  🞎 Có  🞎 Không  *Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:*  🞎 *Không cần thiết,*  🞎 *Chưa quy định đầy đủ,*  🞎 *Chưa quy định rõ ràng,*  🞎 *Quy định chưa hợp pháp,*  🞎 *Quy định chưa hợp lý.* |
| 8. Thời hạn có hiệu lực của kết quả thực hiện có hợp lý không? | 🞎 Có  🞎 Không  *Nếu chọn Không, chọn 01 phương án đề xuất, gồm:*  🞎 Không cần quy định thời hạn,  🞎 Khác: *(Nêu cụ thể, VD: 6 tháng; 1 năm; 5 năm …*). |
| 9. Mẫu đơn, tờ khai có cần thiết, hợp pháp, hợp lý không? | 🞎 Không quy định  🞎 Có  🞎 Không  *Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án, gồm:*  🞎 *Không cần thiết,*  🞎 *Quy định chưa hợp pháp,*  🞎 *Quy định chưa hợp lý.* |
| 10. Mức và cách thức nộp phí/ lệ phí có hợp lý không? | 🞎 Không quy định  🞎 Có  🞎 Không  *Nếu chọn Không, chọn ít nhất 01 phương án đề xuất, gồm:*  🞎 *Không cần quy định phí/lệ phí,*  🞎 *Giảm mức phí/lệ phí,*  🞎 *Nộp phí/lệ phí trực tuyến.* |
| **IV. PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA** | |
| 1. Phương án cắt giản, đơn giản hóa | Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)*  a)………………………………………………..…………………………………  Lý do:…………………………………………..........……………………………  b)……………………………………………………………….………………….  Lý do:………………………………………………..........…………………….... |
| 2. Chi phí tuân thủ tiết kiệm được[[2]](#footnote-2) | - Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: ……. đồng/năm  - Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: ..…. đồng/năm.  - Chi phí tiết kiệm: …… đồng/năm.  - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: …. %. |
| **V. KIẾN NGHỊ THỰC THI** | |
| 1. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung | Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; nêu rõ điều, khoản, điểm quy định của văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ. |
| 2. Lộ trình thực hiện | Nêu rõ thời hạn hoàn thành việc trình cấp có thẩm quyền văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ. |

***Mẫu 04: Mẫu Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền của bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-UBND | *Hà Tĩnh, ngày tháng năm 202...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính**

**nội bộ trong tỉnh Hà Tĩnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 2211/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở X tại Văn bản số.....ngày......./....../.......*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án đơn giản hóa … thủ tục hành chính trong lĩnh vực…………………………..., thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh (Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

**Điều 3.** Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệc lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 4;  - Văn phòng Chính phủ;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;  - Trung tâm CB-TH;  - Lưu: VT, NC. | **CHỦ TỊCH**  **Võ Trọng Hải** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

**LĨNH VỰC……………………….**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ........./QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ...*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

**1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:** ……………………………………………

**1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

a)………………………………………………..……………………………

**Lý do:**…………………………………………..........……………………....

b)……………………………………………………………….……………

**Lý do:**………………………………………………..........…………………

**1.2. Kiến nghị thực thi:**

- Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ;

- Lộ trình thực hiện:

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: ……. đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: ..…. đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: …… đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: …. %.

………….

**n. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:** ……………………………………………

1. Trường hợp một số bộ phận cấu thành TTHC chưa được quy định tại văn bản, tích chọn ô Không quy định. [↑](#footnote-ref-1)
2. Việc tính toán chi phí tuân thủ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-2)